

Bản án số: 165/2024/HN- ST
Ngày 13/12/2024
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Nhắc

Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2024/TLST-HN ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 588/2024/QĐXXST-HN ngày 04/12/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Thị Thuý H, sinh 1984 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Thạnh Đ, xã Hương M, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Lê Văn H, sinh 1983 (có mặt)

Trú tại: Ấp Thạnh Ph, xã Cẩm S, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị H trình bày:

Vào năm 2004 tôi và H đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, vợ chồng sống ly thân nay khoảng 02 năm. Nay xin ly hôn với anh H.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên, Lê Trần Thuý Duy, sinh ngày 21/8/2005 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Lê Nhật Duy, sinh ngày 01/10/2009, con hiện đang sống cùng chị, nên chị xin nuôi , không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên toà bị đơn anh H trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung như vợ tôi trình bày là đúng, nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Nay chị H xin ly hôn thì tôi không đồng ý do tôi còn thương vợ, thương con. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì con chung tôi chấp nhận theo nguyện vọng của con muốn sống cùng ai. Tài sản chung không có. Nợ chung: Tôi có nợ anh Thảo 10.000.000 đồng, nợ anh Vũ 15.000.000 đồng, nợ anh Hùng 10.000.000 đồng, nhưng tôi không biết họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của những người trên. Số nợ trên tôi sẽ tự thương lượng trả cho các chủ nợ, tôi không yêu cầu vợ tôi cùng trả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án trong các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H

Về con chung: Đề nghị giao con Lê Nhật Duy, sinh ngày 01/10/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Trần Thuý Duy, sinh ngày 21/8/2005 đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

Tài sản chung: Tự thoả thuận giải quyết, nên không xem xét

Nợ chung: Chị H trình bày không có, nên không xem xét. Đối với các khoản nợ mà anh H trình bày tại phiên toà gồm nợ anh Thảo 10.000.000 đồng, nợ anh Vũ 15.000.000 đồng, nợ anh Hùng 10.000.000 đồng, nhưng anh không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của các chủ nợ trên, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này các chủ nợ nêu trên có tranh chấp với vợ chồng anh thì có quyền khởi kiện ở vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] Về quyền khởi kiện: Chị H cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị H là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Cẩm Sơn, huyện Mộ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mộ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị H, anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân, bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn H không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng có thể trở về đoàn tụ và từ lúc sống ly thân đến nay vợ chồng bỏ mặt cho nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lê Trần Thuý Duy, sinh ngày 21/8/2005 đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Lê Nhật Duy, sinh ngày 01/10/2009, con hiện đang sống cùng chị H, đã thích nghi với việc chăm sóc của chị H, nguyện vọng của cháu Nhật Duy sau khi được hỏi ý kiến cũng muốn sống cùng mẹ, nên giao cháu Nhật Duy cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Chị H trình bày không có, nên không xem xét. Đối với các khoản nợ mà anh H trình bày tại phiên toà gồm nợ anh Thảo 10.000.000 đồng, nợ anh Vũ 15.000.000 đồng, nợ anh Hùng 10.000.000 đồng, nhưng anh không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của các chủ nợ trên, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này các chủ nợ nêu trên có tranh chấp với vợ chồng anh thì có quyền khởi kiện ở vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

[5] Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Thuý H. Chị Trần Thị Thuý H được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con Lê Nhật Duy, sinh ngày 01/10/2009, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Lê Trần Thuý Duy, sinh ngày 21/8/2005 đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị H, anh H được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Chị H trình bày không có, nên không xem xét. Đối với các khoản nợ mà anh H trình bày tại phiên tòa gồm nợ anh Thảo 10.000.000 đồng, nợ anh Vũ 15.000.000 đồng, nợ anh Hùng 10.000.000 đồng, nhưng anh không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của các chủ nợ trên, nên không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này các chủ nợ nêu trên có tranh chấp với vợ chồng anh thì có quyền khởi kiện ở vụ án dân sự khác để yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003783 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Hương Mỹ (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký